

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chiến lược phát triển các lĩnh vực thuộc Trường Đại học Y
Dược Cần Thơ giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2045**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ

*Căn cứ Quyết định 184/2002/QĐ-TTg ngày 25/12/2002 của Thủ tướng
chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Dược Cần Thơ;*

*Căn cứ Quyết định số 1020/QĐ-ĐHYDCT ngày 19 tháng 9 năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ về việc ban hành Quy chế
Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ;*

*Căn cứ Biên bản họp số 1342/BB-ĐHYDCT ngày 14 tháng 9 năm 2020
của các Hội đồng nghiệm thu các chiến lược của Trường Đại học Y Dược
Cần Thơ giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2045;*

Xét đề nghị của Trường Phòng Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt 06 chiến lược các lĩnh vực thuộc Trường Đại học Y
Dược Cần Thơ giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2045 gồm:

1. Chiến lược đào tạo;
2. Chiến lược khoa học công nghệ;
3. Chiến lược khám chữa bệnh;
4. Chiến lược tổ chức bộ máy – nhân lực;
5. Chiến lược cơ sở vật chất;
6. Chiến lược tài chính.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Trường các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường Đại học Y Dược Cần
Thơ chịu trách nhiệm triển khai, theo dõi tiến độ thực hiện chiến lược lĩnh
vực do đơn vị phụ trách.

Điều 3. Trường Phòng hành chính tổng hợp, Trường các đơn vị có liên
quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /*Nguyen*

Nơi nhận

- Như Điều 3;
- BTV ĐU;
- CT HĐT;
- Ban Chỉ đạo, Ban xây dựng Chiến lược;
- Lưu: VT, HCTH.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Trung Kiên

(Kèm theo Quyết định Số 2662/QĐ/ĐHYDCT ngày 31 tháng 12 năm 2020
của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ)

KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2021-2030
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045
LĨNH VỰC: KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2011-2020

1. Những kết quả chung

Số lượng đề tài các cấp hàng năm tăng về số lượng và chất lượng, trong giai đoạn từ 2015-2019 đã thực hiện được **186** đề tài các cấp, trong đó có **03** đề tài cấp Nhà Nước, **18** đề tài cấp Tỉnh và **168** đề tài cơ sở. Nội dung nghiên cứu của các đề tài ngày càng đa dạng trên đầy đủ các lĩnh vực về điều trị; điều dưỡng, chăm sóc người bệnh; dược; y tế công cộng; răng hàm mặt; khoa học cơ bản... Nhiều đề tài sau khi nghiệm thu là nguồn cứ liệu khoa học quý giá trong giảng dạy cho sinh viên (SV), học viên sau đại học (SDH) đồng thời mang lại hiệu quả thiết thực trong việc ứng dụng vào thực tiễn, bảo vệ chăm sóc sức khỏe cho người dân.

Nhiều đề tài có tính kế thừa và phát triển cao, trên cơ sở các kết quả nghiên cứu trước. Đặc biệt, các đề tài cấp tỉnh/thành phố sau khi nghiệm thu đều thực hiện việc chuyển giao kết quả nghiên cứu cho các Sở Y tế địa phương sử dụng. Bệnh viện Trường đã chuyển giao nhiều kỹ thuật mới cho các đơn vị y tế như: Điều trị khối u bằng sóng siêu âm hội tụ cường độ cao – HIFU; Phẫu thuật cắt túi mật; Phẫu thuật cắt ruột thừa và khâu thủng dạ dày; Gây tê ngoài màng cứng giảm đau; Cấp cứu, hồi sức tim mạch đột quỵ; Phẫu thuật nội soi sản phụ khoa...

Về hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) trong sinh viên, từ năm học 2018-2019, Trường triển khai quy định quản lý đề tài SV NCKH và đã có **45** đề tài sinh viên chủ nhiệm.

Đánh giá chung về chỉ tiêu số lượng đề tài chưa đạt so với mục tiêu đề ra: cấp Nhà nước là 02 (đã nghiệm thu 'đạt'), cấp bộ là 02, cấp tỉnh 20, đề tài cấp cơ sở 250, đề tài sinh viên 150.

Đã hoàn thành đề án xây dựng trung tâm nghiên cứu chuyên sâu, tập trung các thiết bị công nghệ cao phục vụ cho nghiên cứu khoa học chuyên sâu và ứng dụng.

Trong giai đoạn 2016-2020, nhà Trường cũng đã tập trung nguồn lực tài chính và tranh thủ các dự án về đào tạo để đầu tư mua sắm các trang thiết bị công nghệ cao phục vụ cho nghiên cứu và ứng dụng như hệ thống sắc ký ghép nối đầu dò khối phổ (LC-MS/MS)

dùng trong nghiên cứu động học của thuốc, thử tương đương sinh học và các chất chuyển hóa trong cơ thể. Các thiết bị nghiên cứu các dạng bào chế mới trong lĩnh vực công nghiệp dược (máy bao phim tự động, máy sấy tầng sôi tạo hạt); lĩnh vực y sinh có các thiết bị như máy PCR giải trình tự gen thế hệ mới, máy định danh vi khuẩn và làm kháng sinh đồ... Việc đầu tư trang thiết bị hiện đại chuyên dùng phục vụ cho đào tạo và NCKH của nhà trường đã được thực hiện, đã tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển các hướng nghiên cứu chuyên sâu của Nhà trường.

Đã thành lập Ban biên soạn đề án xây dựng trung tâm nghiên cứu chuyên sâu và cũng đã chủ động tìm tài trợ từ các nguồn xã hội hóa và từ các doanh nghiệp; tuy nhiên, hiện chưa tìm được nguồn kinh phí đầu tư cho xây dựng trung tâm nghiên cứu chuyên sâu.

Xuất bản tạp chí và công bố khoa học

Năm 2015 tạp chí chỉ xuất bản được 2 kỳ/1 năm, đến năm 2019 đã xuất bản được 9 kỳ/1 năm, gần đạt được chỉ tiêu đề ra trong đề án là xây dựng tạp chí với số xuất bản 10 kỳ/1 năm. Trong quá trình xuất bản tạp chí ban thư ký luôn bám sát tôn chỉ của tạp chí: (i) Bài báo khoa học là các công trình NCKH có giá trị, đã được triển khai nghiên cứu và nghiệm thu; (ii) Bài tổng quan y, sinh, dược học: phục vụ mục tiêu đào tạo trong lĩnh vực y, sinh, dược học... nhằm hệ thống hóa những kiến thức kinh điển và hiện đại; (iii) Thông tin cập nhật kiến thức mới về y, sinh, dược học trong nước và trên thế giới.

Tính đến 5/2020 đã xuất bản **27** số tạp chí Y Dược học Cần Thơ và 01 số tiếng Anh. Tổng số bài báo của cán bộ được công bố trên các tạp chí y dược học trong nước trong 5 năm qua là **1075** bài báo, đạt **130%** so với mục tiêu đề ra (800 bài). Đã thành lập ban biên tập tạp chí bao gồm các chuyên gia trong ngành, đến nay đã bao phủ hết các chuyên ngành nghiên cứu trong lĩnh vực y dược từ cơ sở đến lâm sàng, từ nghiên cứu cơ bản đến nghiên cứu ứng dụng.

Năm 2017, chính sách hỗ trợ cán bộ trong công bố KH trong nước và quốc tế được ban hành. Giai đoạn 2015 – tháng 5/2020, số lượng bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành quốc tế là **101 bài** (tăng gấp đôi so với với giai đoạn 2010-2015 là **57 bài**), đã xuất bản được **05** chương sách viết bằng tiếng Anh có chỉ số ISBN, **150** bài báo đăng trên các kỷ yếu hội nghị/ hội thảo.

2. Điểm mạnh

Về các công trình NCKH: Các đề tài cấp nhà nước và cấp tỉnh do cán bộ trường chủ trì thực hiện đều xuất phát từ yêu cầu thực tiễn, các đặc điểm về bệnh lý, sức khỏe của người dân ở tỉnh và từ nhu cầu của địa phương. Có sự phối hợp tốt giữa các Tỉnh/Thành phố và Nhà trường trong việc đề ra các nhiệm vụ khoa học công nghệ nhằm thiết thực giải quyết một số vấn đề then chốt của địa phương. Tiêu biểu là có **05** đề tài đề xuất của Trường được các Tỉnh giao thực hiện trong năm 2020.

Về công bố khoa học: Số lượng các công bố khoa học ngày càng tăng, trong đó các công bố quốc tế ngày càng được nâng cao về số lượng và chất lượng.

3. Các tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Tồn tại 1: Số lượng đề tài NCKH của SV, HV còn thấp, do những hạn chế và bất cập trong chính sách khuyến khích SV, HV trong NCKH, các hạn chế về tiếp cận các thông tin liên quan của sinh viên và cán bộ hướng dẫn.

Tồn tại 2: Số lượng đề tài cấp Nhà nước và cấp Bộ chưa nhiều. Do chưa thành lập được các nhóm nghiên cứu mạnh có chiến lược và hướng nghiên cứu rõ ràng; hệ thống phòng thí nghiệm chưa được đầu tư đúng mức và đồng bộ so với yêu cầu thực tiễn trong thời kỳ mới; thiếu tính liên kết giữa các phòng thí nghiệm trong và ngoài trường để có những nghiên cứu liên ngành đáp ứng được mức độ và yêu cầu của các đề tài cấp cao.

Tồn tại 3: Nhân lực NCKH vẫn hạn còn chế về số lượng. Do chưa huy động được toàn bộ giảng viên tham gia vào các hoạt động KH&CN, chưa tạo được phong trào thi đua trong NCKH, cơ chế chính sách của Trường chưa tạo được đột phá trong việc phát triển đội ngũ NCKH.

II. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2021-2030

1. Bối cảnh

1.1. Cơ hội

1.1.1. Bối cảnh chung

Trong thế kỷ XXI, khoa học và công nghệ tiếp tục phát triển và đóng vai trò ngày càng quan trọng đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, y tế của mỗi quốc gia. Tri thức được xác định là lực lượng sản xuất trực tiếp và là động lực phát triển hàng đầu đối với mọi quốc gia. Để phát triển bền vững, các quốc gia phải tiếp tục đẩy mạnh đầu tư phát triển khoa học và công nghệ nhằm ứng dụng được các thành tựu khoa học và công nghệ vào thực tế. Những xu hướng phát triển khoa học và công nghệ toàn cầu bao gồm:

- Xu hướng liên kết, hợp tác và phân công lao động quốc tế trong nghiên cứu khoa học và công nghệ ngày càng tăng.

- Xu hướng hướng vào những lĩnh vực khoa học và công nghệ mới gắn với cách mạng công nghiệp lần thứ tư như các ngành công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo, công nghệ môi trường, công nghệ sinh học, công nghệ nano...

- Xu hướng gia tăng và chuyển dịch đầu tư cho khoa học và công nghệ trên thế giới.

- Xu hướng tăng cường bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và thống nhất theo các quy định, tiêu chuẩn quốc tế trong các hoạt động khoa học và công nghệ.

- Xu hướng tự do hoá các hoạt động khoa học và công nghệ quốc tế.

Những cơ hội mà Việt Nam có được trong quá trình diễn ra xu hướng phát triển khoa học và công nghệ toàn cầu là:

- Cơ hội tham gia, hợp tác trong các hoạt động khoa học và công nghệ trên thế giới.

- Cơ hội tiếp cận được các nguồn lực bên ngoài như vốn, công nghệ, nhân lực...

- Cơ hội gia tăng đầu tư cho phát triển khoa học và công nghệ ở Việt Nam.
- Cơ hội hoàn thiện thể chế cho việc phát triển khoa học và công nghệ ở Việt Nam.

1.1.2. Bối cảnh của trường

Trong bối cảnh chung của khoa học công nghệ (KH&CN) Việt Nam và toàn cầu, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ có kế hoạch đến năm 2025 phát triển thành Đại học Khoa học sức khỏe định hướng ứng dụng, là đại học trọng điểm với các chương trình đào tạo tiên tiến – xuất sắc, hội nhập và Bệnh viện Trường hiện đại, kỹ thuật cao. Trường Đại học Y Dược Cần Thơ có nhiều cơ hội để đẩy mạnh hoạt động khoa học công nghệ trong bối cảnh của Trường:

- Là một trường Đại học sức khỏe của vùng, có quan hệ thân thiết với các tỉnh lân cận trong đào tạo nguồn nhân lực và thực hiện các dự án NCKH và chuyển giao công nghệ. Trường Đại học Y Dược Cần Thơ có khả năng thu hút được nguồn lực KH&CN từ các nước tiên tiến trên thế giới như nguồn vốn, công nghệ, chuyên gia nước ngoài.

- Đội ngũ giảng viên đông đảo, trong đó có nhiều giảng viên có nhiều kinh nghiệm và năng lực nghiên cứu tốt, được đào tạo sau đại học và tập huấn ở các nước tiên tiến trên thế giới, thuộc nhiều chuyên ngành khác nhau nên có thể đảm nhận các lĩnh vực nghiên cứu trải rộng và chuyên sâu từ các nghiên cứu cơ bản trong phòng thí nghiệm đến nghiên cứu các cứu lâm sàng và nghiên cứu cộng đồng.

- Cơ sở vật chất và trang thiết bị tương đối hiện đại, bệnh viện thực hành đảm bảo cho Trường Đại học Y Dược Cần Thơ có thể thực hiện các hướng nghiên cứu khoa học sức khỏe và chuyển giao công nghệ.

- Trong bối cảnh phát triển KH&CN của Việt Nam và trên thế giới, nhìn chung Trường Đại học Y Dược Cần Thơ có nhiều cơ hội tham gia, hợp tác trong các hoạt động KH&CN thuộc lĩnh vực chăm sóc sức khỏe ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam và trên thế giới, có khả năng tiếp cận được các nguồn lực bên ngoài như vốn, công nghệ, nhân lực.

1.2. Thách thức

1.2.1. Bối cảnh chung

Những thách thức mà Việt Nam phải đối mặt trong quá trình diễn ra xu hướng phát triển khoa học và công nghệ toàn cầu.

- Thách thức do việc tiếp nhận những sản phẩm khoa học và công nghệ lạc hậu.

- Thách thức do tình trạng chảy máu chất xám sang các nước khác.

- Thách thức đối với nhà nước trong việc quản lý và điều tiết hoạt động khoa học và công nghệ.

1.2.2. Bối cảnh của Trường

Bên cạnh những thách thức chung của Việt Nam, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ còn có một số thách thức:

- Đội ngũ nhân lực triển khai các hoạt động KH&CN chủ yếu là giảng viên, thiếu đội ngũ nghiên cứu viên chuyên trách và được đào tạo.
- Cơ sở vật chất và trang thiết bị máy móc phục vụ cho các hoạt động khoa học công nghệ vẫn được trang bị chưa đồng bộ và chưa đầy đủ.
- Các lĩnh vực KH&CN thuộc chuyên ngành sức khỏe Trường đang triển khai vẫn chưa bao phủ hết và phát triển chưa thực sự đồng bộ.
- Các đối tác hợp tác khoa học công nghệ vẫn chưa nhiều.

2. Cơ sở pháp lý

- Luật KH&CN số 29/2013/QH 13;
- Nghị định số 08/2014/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;
- Nghị định 99/2014/NĐ-CP quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học;
- Nghị định 95/2014/NĐ-CP quy định về đầu tư và cơ chế tài chính hoạt động khoa học và công nghệ;
- Thông tư 09/2018/TT-BGDĐT quy định về quản lý Chương trình khoa học và công nghệ cấp bộ của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Nghị quyết 20-NQ/TW năm 2012 về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

3. Mục tiêu

3.1. Mục tiêu phát triển giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến 2045

Đến năm 2026, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ phát triển với vai trò là trung tâm Nghiên cứu Khoa học Sức khỏe, ứng dụng và chuyển giao công nghệ của Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL), tiến đến khẳng định vai trò trong cả nước.

Đến năm 2030, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ phát triển với vai trò là trung tâm Nghiên cứu Khoa học Sức khỏe, ứng dụng và chuyển giao công nghệ của vùng ĐBSCL và cả nước; tiến đến khẳng định vai trò trong khu vực Đông Nam Á.

Đến năm 2045, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ phát triển với vai trò là trung tâm Nghiên cứu Khoa học Sức khỏe, ứng dụng và chuyển giao công nghệ của Việt Nam và khu vực Đông Nam Á.

3.2. Mục tiêu phát triển theo từng giai đoạn trung hạn

3.2.1. Mục tiêu giai đoạn 2021-2025

- Phát triển khoa học công nghệ sức khỏe: Nâng cao số lượng và chất lượng các đề tài nghiên cứu khoa học, các bài báo, các sáng kiến cải tiến của cán bộ và sinh viên Trường; các hội nghị, hội thảo khoa học của các khoa và đơn vị thuộc Trường; từng bước đẩy mạnh các hoạt động khoa học công nghệ toàn diện trên nhiều lĩnh vực chăm sóc sức khỏe.

- Hoàn thành xây dựng cơ bản trung tâm nghiên cứu chuyên sâu, ứng dụng các hoạt động và kết quả khoa học công nghệ vào công tác khám chữa bệnh và đào tạo.

- Đẩy mạnh hoạt động chuyển giao khoa học công nghệ như: chuyển giao các kỹ thuật y tế, các quy trình và kết quả nghiên cứu.

3.2.1. Mục tiêu giai đoạn 2026-2030

- Phát triển khoa học công nghệ sức khỏe: Nâng cao số lượng và chất lượng các đề tài nghiên cứu khoa học, các bài báo, các sáng kiến cải tiến của cán bộ và sinh viên Trường; các hội nghị, hội thảo khoa học của các khoa và đơn vị thuộc Trường; phát triển các hướng nghiên cứu chiến lược của Trường.

- Đẩy mạnh hoạt động của trung tâm nghiên cứu chuyên sâu, ứng dụng các hoạt động và kết quả khoa học công nghệ vào công tác đào tạo và khám chữa bệnh cho cả nước và một số nước trong khu vực Đông Nam Á.

- Đẩy mạnh chuyển giao công nghệ về kỹ thuật, quy trình, kết quả nghiên cứu...; từng bước thương mại hoá các sản phẩm khoa học công nghệ và phát triển các dịch vụ khoa học công nghệ.

4. Các chỉ tiêu cơ bản

Về nghiên cứu khoa học học:

Thực hiện và nghiệm thu ít nhất 500 đề tài nghiên cứu khoa học và sáng kiến cải tiến các cấp.

Ít nhất 06 đề tài, dự án liên kết hợp tác với nước ngoài.

Công bố ít nhất 1.500 bài báo khoa học; 300 bài báo quốc tế.

Chỉ số trích dẫn khoa học của các công trình công bố quốc tế: có ít nhất 05 trích dẫn/ 01 giảng viên trong các cơ sở dữ liệu khoa học quốc tế.

Tổ chức ít nhất 200 hội thảo khoa học, trong đó có ít nhất 05 hội thảo quốc tế.

Xuất bản ít nhất 30 - 40 số tạp chí Y Dược học Cần Thơ, trong đó ít nhất 10 số tiếng Anh; Tạp chí Y Dược học Cần Thơ có trong danh mục Asean Citation Index (ACI).

Về ứng dụng:

Hoàn thành xây dựng cơ bản trung tâm nghiên cứu chuyên sâu;

Ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học vào công tác khám chữa bệnh và đào tạo của Trường và cả thế giới;

Sản phẩm đào tạo từ đề tài các cấp và dự án liên kết quốc tế: đào tạo cán bộ có trình độ sau đại học cho trường: cao học và nghiên cứu sinh;

Kết quả sản phẩm đề tài các cấp và dự án liên kết quốc tế góp phần xuất bản sách /chương sách quốc tế cho trường.

Về chuyển giao công nghệ:

Số lượng và chất lượng các kết quả đề tài được chuyển giao cho địa phương tăng 1,5 lần so với giai đoạn 2016-2020;

Số lượng các kỹ thuật chuyển giao của bệnh viện tăng gấp đôi so với giai đoạn 2016-2020

Về Nguồn thu khoa học

Nguồn thu từ thương mại hóa sản phẩm khoa học: xây dựng kế hoạch phát triển, rà soát các nghiên cứu khả thi hỗ trợ đăng ký bảo hộ và thương mại hóa.

Lập đề án phát triển các dịch vụ khoa học, tư vấn chuyên môn nhằm từng bước tăng nguồn thu khoa học từ các dịch vụ này.

Các chỉ tiêu cơ bản chiến lược Khoa học và Công nghệ đến năm 2030 được thể hiện chi tiết trong phụ lục 1.

5. Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

5.1. Giai đoạn 2020-2025

5.1.1. Giải pháp về cơ chế, chính sách, chỉ đạo, điều hành

- Kiện toàn nhân sự xây dựng Đề án Trung tâm Nghiên cứu Chuyên sâu;
- Xây dựng và phát triển các nhóm nghiên cứu tiềm năng và các nhóm nghiên cứu mạnh;
- Rà soát, điều chỉnh các chính sách khuyến khích, nâng cao tiềm lực khoa học công nghệ: Chính sách hỗ trợ công bố bài báo quốc tế; Chính sách tài chính hỗ trợ giảng viên/nhân viên trường đi dự hội nghị hội thảo trong và ngoài nước;
- Xây dựng các chính sách mới: Chính sách hỗ trợ nhằm nâng cao chất lượng đề tài, chính sách khuyến khích tăng cường số lượng và chất lượng đề tài và công bố của sinh viên, học viên trong nghiên cứu khoa học.

5.1.2. Giải pháp nhân lực

- Đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học chủ chốt, kỹ thuật viên của Khoa, Bộ môn và Bệnh viện để đáp ứng nhu cầu cao về nhân lực phục vụ sự phát triển KH&CN của trường;
- Liên kết với các nhà khoa học, chuyên gia ở các bệnh viện, cơ sở thực hành lâm sàng, công ty Dược trong và ngoài nước theo nguyên tắc các bên cùng có lợi;
- Tổ chức các bộ môn theo nhóm nghiên cứu, kết hợp hài hòa giữa nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học;
- Có cơ chế thu hút đầu tư thỏa đáng, tạo môi trường thuận lợi cho các nhà khoa học làm việc, khuyến khích đổi mới sáng tạo. Với mỗi hướng nghiên cứu, có đề án nhân sự kèm theo;
- Có chính sách và cơ chế thuê chuyên gia/cán bộ nghiên cứu theo hợp đồng dịch vụ, nhiệm vụ khoa học công nghệ.

5.1.3. Giải pháp về cơ sở vật chất

- Đầu tư trang thiết bị vật chất phục vụ cho các hướng nghiên cứu ưu tiên, hình thành tổ chức và xây dựng phòng thí nghiệm trọng điểm. Trước mắt, phối hợp với Ban quản lý các dự án thực hiện hiệu quả, đúng tiến độ các dự án đã được phê duyệt.

- Tiếp tục xây dựng các dự án đầu tư trung và dài hạn để nâng cao năng lực nghiên cứu và chuyển giao trí thức, đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu và dịch vụ trong lĩnh vực y, dược.

- Khai thác các nguồn ngân sách đầu tư từ các quỹ khoa học công nghệ, các dự án tăng cường năng lực nghiên cứu...

- Tận dụng cơ sở vật chất dùng chung ở các đơn vị, phòng thí nghiệm nghiên cứu trong Trường, các thiết bị của bệnh viện, các doanh nghiệp hợp tác, phát huy tối đa và hiệu quả các dự án đầu tư thiết bị giảng dạy cho NCKH và thiết bị của Bệnh viện Trường ĐHYDCT.

5.1.4. Giải pháp về tài chính

- Phát huy tối đa mọi nguồn lực để phát triển KH&CN, bao gồm phát triển đề tài, dự án các cấp (trong và ngoài Trường ĐHYDCT), đề án sản xuất thử nghiệm từ ngân sách nhà nước.

- Tìm và khai thác các đề tài, dự án từ nghị định thư, hợp tác với nước ngoài, từ đặt hàng của các doanh nghiệp, địa phương...

- Tìm và khai thác hợp đồng nghiên cứu triển khai với các doanh nghiệp, các bệnh viện... sẽ dần trở thành nguồn tài chính chủ yếu để thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ được giao.

5.1.5. Giải pháp về liên kết, hợp tác phát triển

- Đẩy mạnh tìm kiếm các đối tác hợp tác trong nước và quốc tế.

- Tự đề xuất các nhiệm vụ KHCN trên cơ sở nhu cầu các địa phương và khả năng triển khai thực hiện của cán bộ Trường.

- Liên kết với các trường/viện trong nước thực hiện các nhiệm vụ KH&CN với quy mô lớn.

- Liên kết và đáp ứng nhu cầu khoa học công nghệ của các địa phương trong khu vực ĐBSCL.

- Liên kết với các trường/viện ngoài nước thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ mang tầm quốc tế.

5.1.6. Giải pháp về thông tin

- Thúc đẩy thương mại, quảng bá các sản phẩm/dịch vụ khoa học công nghệ phục vụ chẩn đoán, điều trị và nghiên cứu thuốc.

- Phổ biến chiến lược khoa học công nghệ tới toàn thể cán bộ Khoa, thống nhất hoạt động theo chiến lược được phê duyệt. Tăng cường tổ chức các Hội nghị hội thảo theo nhiệm vụ trọng tâm, giao lưu hợp tác với các chuyên gia trong cùng lĩnh vực. Đẩy mạnh công tác thông tin trên trang website của Trường, Khoa.

- Thường xuyên rà soát, trao đổi chuyên môn, seminar khoa học, bám sát mục tiêu chiến lược và các nhiệm vụ ưu tiên được phê duyệt.

5.1.7. Giải pháp về mô hình quản lý, phương thức hoạt động

- Đẩy mạnh phân cấp, giao khoán nhiệm vụ chuyên môn về cho các khoa.

- Sinh hoạt khoa học: định kỳ tổ chức hội thảo các cấp ở các đơn vị.
- Hội thảo sinh hoạt khoa học: mời chuyên gia chia sẻ một lĩnh vực chung để tạo định hướng và hướng dẫn kỹ năng chung...
- Phòng lab có giảng viên/nhà khoa học/SV làm thí nghiệm, nghiên cứu thường xuyên; các nhóm nghiên cứu đều có sinh hoạt khoa học định kỳ.

5.2. Giai đoạn 2026-2030

Bên cạnh việc tiếp tục duy trì và đẩy mạnh các giải pháp ở giai đoạn 2020-2026, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ xác định các nhiệm vụ khoa học công nghệ ưu tiên sau:

5.2.1. Nghiên cứu trong điều trị:

Ứng dụng sinh học phân tử trong chẩn đoán, tiên lượng và điều trị ung thư; Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học phân tử trong điều trị các bệnh lý xương khớp; Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tế bào gốc trong điều trị các bệnh lý xương khớp; Nghiên cứu can thiệp, điều trị một số rối loạn tâm thần trên các đối tượng đặc biệt (phụ nữ có thai, trẻ em, người già, người mắc bệnh lý tim mạch...); Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong chẩn đoán và điều trị rối loạn tâm thần; Ứng dụng robot trong hỗ trợ điều trị một số rối loạn tâm thần.

5.2.2. Công nghệ gen trong nghiên cứu phát triển Y-Dược học

Đến năm 2030, tập trung các nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan đến công nghệ gen ứng dụng trong lĩnh vực Y Dược như: phát triển các thụ thể tái tổ hợp phục vụ cho nghiên cứu phát triển thuốc, dự đoán tiên lượng và đáp ứng điều trị, nghiên cứu đích tác dụng, chẩn đoán phân tử và cá thể hóa điều trị. Công nghệ gen trong nghiên cứu phát triển Y-Dược học thực sự là điểm nhấn quan trọng, tạo nên dấu ấn riêng của Trường ĐHYDCT trong lĩnh vực Y Dược nói chung.

5.2.3. Nghiên cứu dược động học và tương đương sinh học

Nghiên cứu dược động học và tương đương sinh học trong nghiên cứu phát triển thuốc, hiện đại hóa dược liệu, nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao hiệu quả điều trị... là nhiệm vụ ưu tiên trong các hoạt động khoa học và công nghệ của trường. Nghiên cứu dược động học và tương đương sinh học cần bám sát Chiến lược Quốc gia phát triển ngành Dược Việt Nam giai đoạn đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2045, góp phần khẳng định vai trò và vị trí tiên phong của Trường ĐHYDCT trong việc phối hợp giải quyết các vấn đề lớn của đất nước. Hình thành và phát triển trung tâm nghiên cứu lâm sàng và tương đương sinh học.

5.2.4. Nghiên cứu phát triển thuốc

Áp dụng công nghệ cao trong nghiên cứu phát triển thuốc (hoặc sản phẩm) có nguồn gốc từ thiên nhiên là nhiệm vụ trọng tâm trong chiến lược khoa học và công nghệ đến năm 2030. Các hoạt động của nghiên cứu phát triển thuốc/sản phẩm có nguồn gốc thiên nhiên bao gồm: tiêu chuẩn hóa nguyên liệu, hiện đại hóa dạng bào chế, nghiên cứu tác dụng sinh học, đánh giá lâm sàng, sở hữu trí tuệ và chuyển giao sản phẩm. Hoạt động

nghiên cứu phát triển thuốc/sản phẩm từ thiên nhiên hướng tới các sản phẩm có giá trị, có hàm lượng chất xám cao, được xã hội công nhận và góp phần làm nên thương hiệu của Trường ĐHYDCT.

5.2.5. Dịch vụ khoa học công nghệ

Đẩy mạnh khai thác và khai thác có hiệu quả các hợp đồng nghiên cứu với các bệnh viện và các công ty dược, gồm:

- Dịch vụ liên quan đến nghiên cứu phát triển thuốc:

- Nghiên cứu tác dụng sinh học và độc tính tiền lâm sàng của thuốc/sản phẩm có nguồn gốc từ dược liệu;
- Nghiên cứu phát triển các dạng bào chế hiện đại, bào chế thuốc vô trùng từ dược liệu;
- Nghiên cứu dược động học và tương đương sinh học;
- Các dịch vụ có liên quan khác theo yêu cầu của doanh nghiệp.

- Dịch vụ liên quan đến công nghệ gen trong phát triển Y, Dược học

- Công nghệ gen phục vụ nghiên cứu phát triển thuốc và chuẩn hóa dược liệu;
- Công nghệ gen trong chẩn đoán phân tử;
- Công nghệ gen trong tiên lượng đáp ứng thuốc và cá thể hóa điều trị.

- Phát triển các chương trình và tổ chức các khóa đào tạo liên tục - chuyển giao công nghệ mới cho cơ sở Y, Dược về:

- Tin sinh học trong sàng lọc thuốc/sản phẩm từ dược liệu;
- Các mô hình nghiên cứu dược lý hiện đại để đánh giá tác dụng sinh học và độc tính tiền lâm sàng của thuốc/sản phẩm từ dược liệu;
- Nghiên cứu dược động học trong nghiên cứu phát triển thuốc;
- Dược động học lâm sàng và ứng dụng trong sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả;
- Các quy trình phân tích dịch sinh học, bệnh phẩm phục vụ chẩn đoán bệnh và cá thể hóa điều trị.

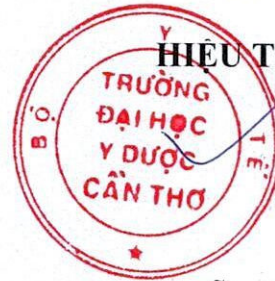
- Các dịch vụ khác:

- Tư vấn và hợp đồng nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng;
- Tư vấn sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả;
- Tư vấn thiết kế nghiên cứu khoa học y dược.

6. Tổ chức thực hiện

Phòng Nghiên cứu khoa học- Hợp tác quốc tế xây dựng kế hoạch hoạt động chi tiết hàng năm, để triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2045, đảm bảo đạt được các mục tiêu, các chỉ tiêu của kế hoạch chiến lược đề ra.

Định kỳ trong năm tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá các chỉ tiêu để kịp thời điều chỉnh, xây dựng kế hoạch hoạt động năm tiếp theo cho phù hợp với kế hoạch chiến lược đề ra hoặc đề xuất điều chỉnh mục tiêu, chỉ tiêu phù hợp hơn. *Nguyen*



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Trung Kiên

PHỤ LỤC
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2011-2020
VÀ DỰ KIẾN CHỈ TIÊU GIAI ĐOẠN 2021-2030

Số thứ tự	Chỉ tiêu	Chỉ số	Kết quả thực hiện			Kết quả dự kiến	
			Giai đoạn 2011-2015	Giai đoạn 2016-2020	Giai đoạn 2011-2020	Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030
Nhóm chỉ tiêu Phát triển NCKH và chuyên giao CN							
1	Chỉ tiêu 1						
	Số lượng đề tài cấp Nhà nước	2		3		4	5
	Số lượng đề tài cấp Tỉnh/Bộ	20		18		30	40
	Số lượng đề tài cấp Cơ sở	250		238		250	350
	- Đề tài cấp trường	250		45		250	350
	- NCKH sinh viên						
	Công bố khoa học						
	+ Tạp chí trong nước	800		800		1200	1500
	+ Tạp chí quốc tế	30		30		300	400
	Đề tài NCKH được ứng dụng vào thực tiễn	50				50	100
	Huy động nguồn lực ngoài NSKH cho phát triển KHCN (triệu đồng)	500				500	1000
	Thu nhập từ sự hoạt động KHCN (tỷ lệ %)	5%				5%	10%